

Số: 561/2020/QĐST - HNGĐ      Thái Nguyên, ngày 21 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số: 652/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T, sinh năm 1994;

HKTT: Tổ A, phường B, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên;

**Bị đơn:** Anh Lưu Tuấn N, sinh năm 1985;

HKTT: Tổ A, phường B, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Lưu Tuấn N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lưu Tuấn N nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Lưu Tuấn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lưu Ngọc H, sinh ngày 11/4/2012 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) vào Ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003425 ngày 24/8/2020 tại Chi cục thi hành án thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường B, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thu Hà**